

Sông cầu, 26 ngày tháng 9 năm 2019

Số: 20/2019/ QĐST -DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLST- DSST ngày 22 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; ông Phạm Văn T, sinh năm 1972; Cùng trú tại: KP PL, phường XY, thị xã Sông Cầu, Phú Yên.

Bà Nguyễn Thị N uỷ quyền cho ông Phạm Văn T.

2/ Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Văn S, sinh năm 1965. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967; Cùng trú tại: KP PL, phường XY, thị xã Sông Cầu, Phú Yên.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Vợ chồng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H được sử dụng diện tích đất 15,8m², thuộc thửa đất số 68 (thửa cũ 201), tờ bản đồ 145. Gắn vị trí: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp thửa đất 66 ; Nam giáp thửa đất số 184 của vợ chồng ông Lê Văn S, Phạm Thị H; Bắc giáp thửa đất còn lại của bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn T (thửa 68). Tọa lạc tại: KP PL, phường XY, thị xã Sông Cầu, Phú Yên (có sơ đồ kèm theo).

Vợ chồng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn T giá trị quyền sử dụng đất là

14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng), vợ chồng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H đã thanh toán trước cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn T số tiền 7.000.000đồng (bảy triệu đồng), vợ ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H còn phải thanh toán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn T số tiền 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 03/10/2019.

2. *Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bản vẽ*: Tổng cộng 3.223.000đồng. Vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn T tự nguyện chịu 1.100.000đồng, vợ chồng bà N, ông T đã nộp đủ. Vợ ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H tự nguyện chịu 2.123.000đồng, vợ chồng ông S, bà H đã nộp đủ.

3. *Về phần án phí*: Vợ chồng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị N số tiền 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 00064411 ngày 22/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu tỉnh Phú Yên.

III. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tôn

